

Số: 93 /2021/QĐ-UBND

Ninh Thuận , ngày 28 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo viên mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động và trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo viên mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động và trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3334/TTr-SGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2021 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2919/BC-STP ngày 22 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo viên mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động và trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

b) Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

c) Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện sau:

- Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định;
- Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục;
- Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

d) Tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức hỗ trợ

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định này được hỗ trợ để trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị

đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Mức hỗ trợ là 20 (hai mươi) triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

2. Đối với trẻ em

a) Trẻ em được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Quyết định này được hỗ trợ 160.000 đồng/trẻ/tháng (một trăm sáu mươi ngàn đồng/trẻ/tháng).

b) Thời gian hỗ trợ theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

3. Đối với giáo viên

a) Giáo viên mầm non đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Quyết định này được hỗ trợ 800.000 đồng/tháng (tám trăm ngàn đồng/01 tháng). Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

b) Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

c) Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. Trường hợp dạy dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính $\frac{1}{2}$ tháng; trường hợp, từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách địa phương.
- Nguồn xã hội hoá giáo dục và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Điều 4. Thời gian thực hiện

Từ năm học 2021-2022 trở đi.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các địa phương triển khai thực hiện Quyết định này.

- Xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện, bảo đảm việc hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoàn thành trước ngày 30/6 hằng năm.

2. Sở Tài chính:

- Hướng dẫn việc xây dựng, sử dụng và quyết toán dự toán kinh phí hỗ trợ có liên quan đối với các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật, để thực hiện việc chi trả các chế độ, chính sách có liên quan được quy định tại Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Pháp chế, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- TT.HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. NAM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Long Biên